

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **Du lịch; Mã số: 7810101**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. *Khái quát về Trường Đại học Hồng Đức*

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ; là trường đại học công lập, đào tạo đa cấp, đa ngành, trực thuộc địa phương, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, Ngành Trung ương. Trường Đại học Hồng Đức có nhiệm vụ đào tạo cán bộ có chất lượng cao gồm: đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học; cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh; kỹ sư nông lâm ngư nghiệp đáp ứng nhu cầu của các địa phương; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của Tỉnh và các địa phương khác trong cả nước.

Về tổ chức bộ máy: Hiện tại nhà trường có 34 đơn vị trực thuộc, trong đó có 12 khoa đào tạo, 11 phòng, ban chuyên môn, 11 trung tâm đào tạo và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ.

Về đội ngũ cán bộ: Tính đến tháng 12/2017, tổng số cán bộ giảng viên hiện nay của nhà trường là 738 người, trong đó có 476 giảng viên cơ hữu. Về trình độ chuyên môn giảng viên có: 15 Phó giáo sư, 96 tiến sĩ, 331 thạc sĩ. Hiện tại 152 cán bộ giảng viên của nhà trường đang tham gia các chương đào tạo sau đại học (trong đó có 125 nghiên cứu sinh - 27 NCS ở nước ngoài).

Về ngành nghề, trình độ đào tạo: Kể từ ngày thành lập đến nay, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo, hình thức đào tạo của nhà trường liên tục được đổi mới và phát triển theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Hiện nay, Trường Đại học Hồng Đức đang đào tạo 04 chuyên ngành trình độ Tiến sĩ, 18 chuyên ngành trình độ Thạc sĩ và 35 ngành trình độ đại học.

Về quy mô đào tạo: Tính đến tháng 12 năm 2018, quy mô đào tạo hệ chính quy trong toàn trường là 7834 học viên, sinh viên, trong đó: 14 nghiên cứu sinh, 733 học viên cao học, đại học hệ chính quy 6221, cao đẳng hệ chính quy 575 sinh viên.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: Nhà trường hiện có 2 cơ sở đào tạo với tổng diện tích 61.9 ha, bình quân 73m²/sinh viên. Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường thời điểm tháng 12/2017 có 41.683 m², trong đó có: 31.862,5m² hội trường, giảng đường, phòng học các loại; 2.685,5 m² thư viện, trung tâm học liệu; 7135 m² phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập. Toàn trường có 26 phòng thí nghiệm chuyên sâu và liên môn được trang bị nhiều loại thiết bị, máy móc hiện đại; 8 phòng máy tính; 1 phòng Lab, 14 phòng học tiếng Anh. Thư viện trường có 2834 danh mục giáo trình (49087 cuốn); 8382 danh mục tài liệu tham khảo (79884 cuốn); 894 bản báo và tạp chí; 16 loại cơ sở dữ liệu nước ngoài với 148 đĩa CD-ROM; 2 loại cơ sở dữ liệu trong nước với 14 đĩa CD-ROM; phần mềm quản lý thư viện LIBOL, cơ sở dữ liệu tài nguyên số... Thư viện điện tử có 120 máy tính; mạng Internet, mạng LAN, wifi được kết nối đến phòng học, phòng làm việc trong toàn trường, đảm bảo thông suốt 24/24 giờ đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên.

2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu người học và về nguồn nhân lực ngành Du lịch trình độ đại học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các vùng lân cận

Thanh Hoá nằm ở cực bắc Miền Trung, cách Thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam, cách Thành phố Hồ Chí Minh 1.560km về phía Bắc. Thanh Hoá nằm trong vùng ảnh hưởng của những tác động từ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, các tỉnh Bắc Lào và vùng trọng điểm kinh tế Trung bộ, ở vị trí cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ, có hệ thống giao thông thuận lợi cho lưu thông Bắc Nam, với các vùng trong tỉnh và đi quốc tế. Về mặt tự nhiên, Thanh Hoá có địa hình đa dạng, thấp dần từ Tây sang Đông, chia làm 3 vùng rõ rệt: vùng núi và trung du, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Đồng bằng Sông Mã có diện tích lớn thứ ba sau đồng bằng Sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng. Vùng ven biển chiếm 9,95% diện tích toàn tỉnh, với bờ biển dài 102 km, địa hình tương đối bằng phẳng, có bãi tắm Sầm Sơn nổi tiếng, các khu nghỉ mát và những vùng đất đai rộng lớn thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản, phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế biển.

Về điều kiện kinh tế - xã hội, theo thống kê dân số năm 2012 của Tổng Cục thống kê Việt Nam, Thanh Hoá có 3.426.600 người; có 7 dân tộc anh em sinh sống là: Kinh, Mường, Thái, H'mông, Dao, Thổ, Hoa. Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở các huyện vùng núi cao và biên giới. Dân số trong độ tuổi lao động có khoảng 2,16 triệu người, chiếm tỷ lệ 58,8% dân số toàn tỉnh. Nguồn lao động của Thanh Hoá tương đối trẻ, có trình độ văn hoá khá. Lực lượng lao động đã qua đào tạo chiếm 27%, trong đó lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 5,4%.

Để xác định nhu cầu người học và nhu cầu nguồn nhân lực ngành du lịch trình độ đại học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi đã tiến hành điều tra, phỏng vấn đại diện lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các khu, điểm du lịch, các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh. Đồng thời tổ chức các cuộc hội thảo xác định nhu cầu của người sử dụng lao động về kiến thức và kỹ năng cần đạt được đối với sinh viên ngành du lịch, tạo căn cứ để xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp, xác định chuẩn đầu ra và xây dựng chương trình đào tạo.

2.1. Kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu người học

Trước hết việc mở ngành đào tạo là xuất phát từ nhu cầu thực tế nền kinh tế và của người học. Trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta đang hội nhập ngày càng sâu, rộng, du lịch là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. Nhận thức được vai trò quan trọng của ngành kinh tế du lịch, ngày 16/1/2017, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đây là chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội nước ta trong giai đoạn hiện tại. Ở Thanh Hóa, ngoài những khu du lịch nổi tiếng như Sầm Sơn, Lam Kinh, thành Nhà Hồ..., những khu du lịch mới đã và đang được đầu tư hàng nghìn tỷ đồng để kịp thời phục vụ du khách như FLC Sầm Sơn, Bến En, Hàm Rồng...

Hiện nay, ở Thanh Hóa, hoạt động du lịch ngày càng trở nên sôi động, ngành kinh tế du lịch được chú ý đầu tư mạnh mẽ thì yêu cầu lao động được đào tạo ngày càng nhiều, do đó nhu cầu theo học ngành du lịch càng lớn. Trong quá trình lập dự án mở ngành đào tạo chúng tôi đã tiến hành khảo sát nhu cầu của người học đối với ngành du lịch trình độ đại học. Kết quả cho thấy nhu cầu của người học đối với ngành là rất lớn, gần 100% số người được hỏi đều ủng hộ việc mở ngành và có nguyện vọng theo học. Đồng thời trong quá trình giảng dạy chúng tôi cũng đã tiếp nhận nhiều thông tin phản hồi từ sinh viên về nhu cầu theo học ngành du lịch hệ đại học chính quy. Có thể thấy tiềm năng của ngành du lịch trình độ đại học rất lớn. Việc mở ngành sẽ thu hút một số lượng lớn người học

đang có nhu cầu theo học ngành du lịch trình độ đại học không chỉ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa mà còn một số vùng phụ cận, thậm chí là xa hơn.

2.2. Kết quả điều tra, khảo sát cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan trong lĩnh vực du lịch.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hàng trăm doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, nhà hàng; 100 % các đơn vị Thành phố, Huyện, Thị xã đã có các phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Theo quy định về cơ cấu nhân sự, ở mỗi phòng cấp huyện phải có cán bộ có chuyên môn về du lịch trình độ cao đẳng, đại học hoặc trên đại học. Tuy nhiên, do điều kiện về nguồn nhân lực ở thời điểm hiện tại chưa đáp ứng đủ nhu cầu nên hầu hết các cán bộ cấp huyện đều ở chế độ kiêm nhiệm, rất ít trong số đó là những người có chuyên môn về du lịch. Ở các huyện, thị xã và thành phố thì số cán bộ có chuyên môn phù hợp để phụ trách về lĩnh vực du lịch mới chỉ đáp ứng được khoảng 30%. Từ đó dẫn đến việc quản lý, điều hành giải quyết những vấn đề liên quan đến du lịch trên địa bàn Tỉnh đang còn rất nhiều hạn chế và bất cập.

2.3. Nhu cầu của người sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp đại học ngành du lịch.

Với mục tiêu của chương trình đào tạo ngành du lịch trình độ đại học là “trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhằm phát triển toàn diện, kỹ năng thực hành để có khả năng đảm đương được công tác của một cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan quản lý các cấp về du lịch hoặc thực hiện các công việc của người lao động trong các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, chương trình du lịch sẽ đào tạo các kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất để có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành và xã hội; kết quả điều tra khảo sát cho thấy: 100% các nhà quản lý doanh nghiệp; lãnh đạo các địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đều thống nhất đánh giá cao sự cần thiết, tính khả thi của việc mở ngành du lịch trình độ đại học, đồng thời, bày tỏ sự sẵn sàng tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp đại học ngành vụ du lịch về công tác tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của mình.

2.4. Sự phù hợp của đào tạo ngành du lịch trình độ đại học đối với chương trình phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hóa

Theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2015 toàn tỉnh phấn đấu có khoảng 1,2 triệu lao động qua đào tạo, bằng 55% tổng số lao động toàn tỉnh. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo phải đạt 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ tối thiểu 25%. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đến năm 2020, du lịch được coi trọng. Nghị quyết đại hội XVIII Tỉnh đảng bộ Thanh Hóa đã đề ra giải pháp cho phát triển du lịch là: “Nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch truyền thống; tạo sự chuyên nghiệp, văn minh về văn hóa, văn minh du lịch”.

Việc mở ngành du lịch trình độ đại học là cơ sở để thu hút người học, đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực du lịch, qua đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu chương trình phát triển nguồn nhân lực và Nghị quyết Đại hội đảng bộ Tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII.

II. Năng lực đào tạo trường ĐH Hồng Đức

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần thuộc chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch

Trường Đại học Hồng Đức có đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên cơ hữu đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo ngành Du lịch trình độ đại học:

- Giảng viên cùng ngành du lịch gồm 5 thạc sĩ (ThS. Nguyễn Việt Hoàng, ThS. Dương Thị Hiền, ThS Lê Thị Thanh Thủy, ThS. Nguyễn Thị Huyền, ThS Trịnh Thị Phan)
- Nhiều giảng viên có ngành gần với ngành đăng ký mở mới có trình độ từ thạc sĩ đến tiến sĩ, Phó Giáo sư.

Ngoài ra, còn có đội ngũ 35 giảng viên (1 PGS; 9 tiến sĩ; 25 thạc sĩ) tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán, Tin, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội, Kinh tế quản trị.

Bảng 1. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, trình độ Đại học của Trường Đại học Hồng Đức

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, Năm tốt nghiệp, nước đào tạo;	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm	Ghi chú
1	Lê Thị Thắm, 1974, Giảng viên khoa LLCT-Luật	GVC 2001	Tiến sĩ, 2013 Việt Nam	Triết học	Tư tưởng HCM	
2	Mai Thị Quý, 1969, Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị	GVC 2005	Tiến sĩ, 2007, Việt Nam	Triết học	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	
3	Nguyễn Văn Thụ, 1974, Giảng viên khoa LLCT-Luật	GV	Tiến sĩ, 2016, Việt Nam	Mậu dịch (thương mại) Quốc tế	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	
4	Nguyễn Thị Ngân, 1968, Trưởng bộ môn Đường lối, khoa Lý luận chính trị	GVC 2003	Thạc sĩ, 1998 Việt Nam	Lịch sử đảng	Đường lối CM của ĐCSVN	
5	Lê Văn Minh, 1977, GV Khoa LLCT	GV	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Luật dân sự	Pháp luật đại cương	
6	Dương Thị Thoan, 1973, P.Trưởng khoa	GVC, 2012	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Tâm lý học	Tâm lí học đại cương	
7	Vũ Thị Thắng, 1974, GV bộ môn Ngôn Ngữ học	GVC 2012	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Ngôn Ngữ học	Kĩ thuật soạn thảo văn bản	
8	Lê Thị Thanh Thủy, 1988, Phó	GV	ThS. 2014,	Chính sách công	Các vấn đề xã hội đương đại	

	trưởng BM Xã hội học		Anh			
9	Nguyễn Thị Quyết, 1976, Phó Trưởng khoa Ngoại ngữ	GV	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1	
10	Trịnh Thị Thơm, 1968, Trưởng khoa Ngoại ngữ	GVC 2012	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 2 Tiếng Anh 3	
11	Nguyễn Thị Việt, 1987, GV Khoa Ngoại ngữ	GV, 2014	Thạc sĩ, 2013, Úc	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh du lịch 1 Tiếng Anh du lịch 2	
12	Lê Thị Đình, 1970, Giảng viên Khoa CNTT&TT	GV	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Khoa học máy tính	Tin học	
13	Vũ Văn Duẩn, 1986, GV BM ĐLTNMT	GV	Th.S, 2013, Việt Nam	Địa lý học	Môi trường và con người	
14	Lê Thị Hiền, 1982, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	GV	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Văn học dân gian Việt Nam	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
15	Nguyễn Thị Thu Hà, 1975, GV bộ môn Lịch sử	GV	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Việt Nam	
17	Vũ Thị Phương, 1988, GV Bộ môn Địa lý TNMT	GV	Thạc sĩ, Anh, 2014	Môi trường	Địa lý du lịch Việt Nam	
18	My Quỳnh Lê	GV	Th.S, 2010, Việt Nam	Hán Nôm	Hán Nôm	
19	Mai Văn Tùng, 1976, TK Khoa KHXH	GVC	PGS, TS, 2016, Việt Nam	Dân tộc học	Các dân tộc Việt Nam Du lịch tôn giáo và tâm linh	
20	Ngô Xuân Sao, 1962, GD Trung tâm NCKHXH&NV	GVC, 2009	Thạc sĩ, 1998, Việt Nam	PPDHNV	Tâm lí du khách và nghệ thuật giao tiếp Văn hóa du lịch	
21	Lê Sĩ Hưng, 1970, Trưởng bộ môn Lịch sử	GVC, 2012	Tiến sĩ, 2010, Việt Nam	Lịch sử thế giới	Lịch sử văn minh thế giới Văn hóa Đông Nam Á	

22	Đào Thanh Thủy, 1982, P.Trưởng bộ môn Việt Nam học – Du lịch	GV	Thạc sĩ, 2008, Việt Nam	Việt Nam học	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	
					Tổng quan du lịch	
23	Nguyễn Thị Liên, 1984, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	GV	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Việt Nam học	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	
					Phong tục tập quán Việt Nam	
24	Nguyễn Thị Việt Hưng, 1985, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	GV	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Việt Nam học	Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam	
					Du lịch làng nghề	
25	Nguyễn Thị Huyền, 1983, GV BM QTKD	GV	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	QTKD	Văn hóa doanh nghiệp	
					Kinh tế du lịch	
26	Nguyễn Việt Hoàng, 1985, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	GV	Thạc sĩ, 2014, Thái Lan	Quản trị du lịch	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	
					Tổ chức hướng dẫn du lịch	
27	Dương Thị Hiền, 1988, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	GV	Thạc sĩ, 2013, Singapore	Quản trị du lịch và khách sạn	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	
					Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	
28	Lê Thị Thanh Thủy, 1987, GV Khoa Kinh tế QTKD	GV	Thạc sĩ, 2012, Đài Loan	QTKD	Kinh doanh du lịch trực tuyến	
					Kinh doanh lữ hành	
29	Phạm Hoàng Đức Anh, 1986, Bộ môn QTKD	GV	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	QTKD	Tổ chức sự kiện và du lịch MICE	
30	Hoàng Hồng Anh, 1986, GV bộ môn Việt	GV	Thạc sĩ,	Việt Nam học	Thuyết minh du lịch	
					Nghiệp vụ chế biến sản	

	Nam học – Du lịch		2015, Việt Nam		phẩm ăn, uống	
31	Lê Thanh Thủy, 1975, Trưởng bộ môn Việt Nam học – Du lịch	GV	Tiến sĩ, 2010, Việt Nam	Lịch sử	Pháp luật về du lịch	
					Quản lý nhà nước về du lịch	
32	Trịnh Thị Phan, 1982, GV BM ĐLTNMT	GV	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Địa lý học	Du lịch sinh thái	
					Du lịch bền vững	
33	Lê Quang Hiếu, 1977, P.Trưởng khoa KTQTKD	GV	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	QTKD	Marketing du lịch	
					Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	
34	Nguyễn Thị Vân, 1976, GV BM Lịch sử	GV	Thạc sĩ, 2004	Lịch sử	Kỹ năng đàm phán	
					Du lịch cộng đồng & Homestay	
35	Nguyễn Thị Hồng Liên	GV	Thạc sĩ, 2013	Quản trị khách sạn	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	
					Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	

(Danh sách gồm có 35 người, trong đó có: 01 PGS, 9 TS và 25 ThS)

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

Bảng 2. Danh sách giảng viên, cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng dạy lý thuyết phần kiến thức cơ sở ngành Du lịch, trình độ Đại học

1	Nguyễn Việt Hoàng, 1985, Giảng viên khoa KHXH	Thạc sỹ, 2014, Thái Lan	Quản trị du lịch và khách sạn quốc tế	2009, Đại học Hồng Đức	Đúng
2	Dương Thị Hiền, 1988, GV khoa KHXH	Thạc sỹ, 2013, Singapore	Quản lý du lịch và khách sạn	2012, Đại học Hồng Đức	Đúng
3	Đào Thanh Thủy, 1982, phó trưởng bộ môn Việt Nam học – Du lịch	Thạc sỹ, VN, 2009	Việt Nam học	2009, ĐH Hồng Đức	Đúng
4	Hoàng Hồng Anh, 1986, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	Thạc sỹ, 2016, Việt Nam	Việt Nam học	2009, ĐH Hồng Đức	Đúng
5	Nguyễn Thị Liên, 1984, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	Việt Nam học	2011, ĐH Hồng Đức	Đúng
6	Trịnh Thị Phan, 1982, GV bộ môn Việt Nam học – Du lịch	Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	Địa lý học	2007, ĐH Hồng Đức	Đúng
7	Lê Quang Hiếu, 1977, P.Trưởng khoa KTQTKD	Tiến sỹ, 2015, Việt Nam	QTKD	2001, ĐH Hồng Đức	Đúng
8	Phạm Hoàng Đức Anh, 1986, Bộ môn QTKD	Thạc sỹ, 2016, Việt Nam	QTKD	2009, ĐH Hồng Đức	Đúng
9	Lê Thị Thanh Thủy, 1987, GV Khoa Kinh tế QTKD	Thạc sỹ, 2012, Đài Loan	QTKD	2009, ĐH Hồng Đức	Đúng
10	Nguyễn Thị Huyền, 1983, GV BM QTKD	Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	QTKD	2007, ĐH Hồng Đức	Đúng

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 1 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

Bảng 3. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	PGS.TS. Mai Văn Tùng	Trưởng khoa Khoa KHXH	
2	TS. Đậu Bá Thìn	Phó Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo	
3	ThS. Đào Thanh Thủy	Phó Trưởng bộ môn Việt Nam học – Du lịch	

(Danh sách gồm có 35 người, trong đó có: 01 PGS, 9 TS và 25 ThS)

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

Bảng 4. Danh sách kỹ thuật viên, giáo viên hướng dẫn thực hành cơ hữu phục vụ đào tạo ngành Du lịch

TT	Họ và tên, năm sinh	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn, Năm tốt nghiệp	Phụ trách học phần	Ghi chú
1	Lê Sĩ Tâm, 1991	Công ty TNHH DV DL TTH	CN Việt Nam học, 2013, Việt Nam	Thực hành Thuyết minh du lịch	
				Thực hành tuyên, điểm du lịch miền Trung - Tây Nguyên	
2	Nguyễn Hữu Tường, 1982	GD Công ty TNHH DL Tường Anh	CN Việt Nam học, 2009, Việt Nam	Thực hành: Thiết kế và điều hành tour	
				Thực hành tuyên, điểm du lịch miền Bắc	
3	Phạm Thị Ngọc Oanh, 1991	Công ty TNHH DV DL TTH	CN Việt Nam học, 2013, Việt Nam	Thực hành tuyên, điểm du lịch miền Nam	
				Thực hành : Tổ chức hướng dẫn du lịch	
4	Nguyễn Thị Chiến, 1987	NV Sale Cty Công ty Thiết bị GD Hồng Đức	CN Việt Nam học, 2010, Việt Nam	Du lịch tôn giáo và tâm linh	
				Du lịch làng nghề	
5	Lê Ngọc Hưng, 1981	P.GD, KS Mường Thanh	CN Quản trị kinh doanh, 2015, Việt Nam	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	
				Tổ chức sự kiện và du lịch MICE	
6	Nguyễn Huy Chinh, 1987	Công ty TNHH DV DL TTH	CN Việt Nam học, 2012, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	
				Kinh doanh du lịch trực tuyến	
7	Nguyễn Thị Hồng Liên, 1987	P.TGD Công ty CP Dạ Lan	Thạc sĩ Quản trị khách sạn, 2013, Úc	Thực hành nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn uống	
				Thực hành nghiệp vụ	

				nhà hàng	
8	Nguyễn Trọng Hiếu, 1986	GD Công ty TNHHTM & Du lịch Kinh Đô	CN Việt Nam học , 2010, Việt Nam	Du lịch sinh thái	
				Du lịch cộng đồng & Homestay	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 8

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống phòng học khang trang với các thiết bị trình chiếu, nghe nhìn hiện đại đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy; hệ thống phòng thí nghiệm với các thiết bị, máy móc hiện đại, đảm bảo đủ năng lực phục vụ thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực phân tích chất lượng đất, nước, không khí, đo vẽ thành lập bản đồ địa chính, các loại bản đồ chuyên đề, hệ thống phòng máy vi tính được cài đặt các phần mềm chuyên dụng, như: MicroStation, MapInfor, Envi...; trại thí nghiệm thực hành nông, lâm, ngư nghiệp (2.5 ha) trong khuôn viên nhà trường đã và đang được đầu tư nhiều hạng mục công trình đáp ứng nhu cầu rèn kỹ năng nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học cho người học. Ngoài ra Nhà trường đã xây dựng được hệ thống các điểm liên kết đào tạo với cơ sở sản xuất trong tỉnh đáp ứng nhu cầu thực tập môn học, thực tập nghề nghiệp và thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp cho người học.

- Thư viện, giáo trình: Nhà trường có hệ thống thư viện rộng 4.500 m², trong đó có 1200 m² phòng đọc, 400 chỗ ngồi; 120 máy tính được kết nối mạng Internet phục vụ tra cứu và các loại giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành... Đặc biệt, từ năm 2016 Nhà trường đã mua bản quyền cơ sở dữ liệu số online tạo điều kiện cho giảng viên và người học có thể sử dụng các tài liệu, giáo trình điện tử một cách thuận lợi; hệ thống mạng wifi rộng khắp và được kết nối tới phòng học, phòng làm việc.

Bảng 5. Thiết bị phục vụ cho đào tạo ngành Du lịch

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học tiếng Anh (TOEIC)	07	80	- Ti vi	07	Các học phần tiếng Anh
				- Hệ thống tăng âm	07	
				- Loa đài, đĩa	07	
2	Giảng đường	06	160	- Máy chiếu	06	Các học phần thuộc chương trình đào tạo
				- Hệ thống tăng âm	01	
				- Bảng viết	01	
3	Phòng thực hành máy tính	01	50	- Máy tính - Các thiết bị đi kèm	40 40	- Tin học đại cương
4	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ tân	01	50	- Quầy lễ tân - Máy tính		Nghiệp vụ khách sạn cơ bản

5	Phòng thực hành nghiệp vụ buồng	3	50	- Giường ngủ - Tivi - Tủ lạnh - Các thiết bị đi kèm	3 3 3 50	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản
6	Phòng thực hành nghiệp vụ bàn	1	50	- Bàn vuông - Bàn chờ - Các loại ly, bát đĩa,....	3 1 15 100	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn uống
7	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ hành, hướng dẫn du lịch	01	50	- Máy tính - Máy chiếu - Bản đồ Việt Nam - Bản đồ thế giới - Kệ tài liệu	1 1 1 1 1	Tổ chức hướng dẫn du lịch Thiết kế và điều hành tour Thuyết minh du lịch Kinh doanh lễ hành

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

**Bảng 6. Thư viện (Tài liệu, sách chuyên đề về Du lịch)
 Danh mục giáo trình ngành đào tạo Du lịch**

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2012	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2013	20	
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2006	15	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2
4	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2008	20	
4	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2009	15	
6	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2009	20	Tư tưởng Hồ Chí Minh
7	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,	Hội đồng Trung ương	NXB Chính trị Quốc gia,	2003	10	
8	Hồ Chí Minh toàn tập	Nhiều tác giả	NXB Chính trị Quốc gia	2002	15	
9	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2006	15	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
10	Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2009	20	
11	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm	NXB Công an nhân dân	2010	20	Pháp luật đại cương
12	Giáo trình pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB Chính trị Quốc gia	2010	15	
13	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật,	Hoàng Thị Kim Quế	NXB Chính trị Quốc gia	2009	10	
14	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học Kỹ thuật	2006	10	Phương pháp nghiên cứu khoa học
14	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Trần Tiến Khai	NXB Lao động Xã hội	2014	10	
16	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Vương Thị Kim Thanh	NXB Thống kê	2003	10	Kỹ thuật soạn thảo văn bản
17	Giáo trình kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản	Lưu Kiếm Thanh	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2004	15	
18	Giáo trình Tâm lý học	Bùi Văn Huệ	NXB Đại học Quốc gia Hà	2000	15	Tâm lý học đại cương

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
			Nội			
19	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức	NXB Đại học Sư phạm	2006	15	
20	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Sư phạm	2004	20	
21	Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội ở nước ta	Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật	NXB Công an nhân dân	2002	15	Các vấn đề xã hội đương đại
22	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	Nguyễn Thị Oanh	Khoa phụ nữ học, Đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh	1997	15	
23	Địa chí Thanh Hoá (Tập 1, 2)	Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá	NXB Văn hoá Thông tin, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá	2002	15	Kiến thức địa phương tỉnh Thanh Hóa
24	Thanh Hoá, quê hương, đất nước, con người	Sở Văn hoá Thông tin Thanh Hoá	NXB Thanh Hoá, Thanh	1996	20	
24	Target TOEIC (second edition)	Anne Taylor	NXB Trẻ	2013	10	Tiếng Anh 1
26	Know how 2	Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan	Oxford University Press	2004	10	
27	English Know How	Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J. Manin	Oxford University Press	2004	10	Tiếng Anh 2
28	English course for tourism	Nguyễn Quang	NXB Đại học Sư phạm	2013	10	
29	Active Skills for Reading	Keil J. Anderson	Person	1996	10	Tiếng Anh 3
30	English Know How 3	Angela	Oxford	2004	10	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
		Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin	University Press			
31	Giáo trình tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương	NXB Đại học Sư phạm,	2010	15	Tin học đại cương
32	Giáo trình tin học văn phòng	Bùi Thế Tâm	NXB Giao thông vận tải	2010	10	
33	Khoa học môi trường	Lê Văn Khoa	NXB Giáo dục	2001	15	Môi trường và con người
34	Môi trường và con người	Trần Quốc Huy, Mai Duy Lục	Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Hồng Đức	2011	15	
34	Giáo dục môi trường,	Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (chủ biên)	NXB Giáo dục	2006	15	
36	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	2006	20	Cơ sở văn hóa Việt Nam
37	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục	2005	20	
38	Đại cương Lịch sử Việt Nam	Lê Mậu Hãn	NXB Giáo dục	2013	15	Lịch sử Việt Nam
39	Đại Việt sử ký toàn thư	Ngô Sĩ Liên	NXB Giáo dục	1967	10	
40	Đại cương Lịch sử Việt Nam	Trương Hữu Quýnh (Chủ biên)	NXB Giáo dục	1998	15	
41	Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch	Phạm Văn Khoái	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	10	Hán Nôm
42	Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm	Nguyễn Ngọc San	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	2013	10	
43	Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Ngọc (Chủ biên)	NXB Lao động	2009	15	Hệ thống di tích – danh thắng Việt

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
44	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	Dương Văn Sáu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	15	Nam
44	Dân tộc học đại cương	Lê Sỹ Giáo (chủ biên)	NXB Giáo dục		20	Các dân tộc Việt Nam
46	Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc)	Viện Dân tộc học	NXB Khoa học Xã hội	1978	10	
47	Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)	Viện Dân tộc học	NXB Khoa học Xã hội	1984	10	
48	Lịch sử văn minh thế giới	Lê Phụng Hoàng	NXB Giáo dục	2005	20	Lịch sử văn minh thế giới
49	Lịch sử văn hóa thế giới	Lương Ninh	NXB Giáo dục	2008	15	
50	Lịch sử văn hóa thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	NXB Giáo dục	2002	10	
51	Văn hóa Đông Nam Á	Mai Ngọc Chừ	NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội	1999	15	Văn hóa Đông Nam Á
52	Văn hoá Đông Nam Á	Nguyễn Tấn Đắc	NXB Khoa học Xã hội	2010	10	
53	Giáo trình Văn hoá ẩm thực	Nguyễn Nguyệt Cẩm	NXB Hà Nội	2006	15	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực
54	Văn hoá ẩm thực và món ăn Việt Nam	Xuân Huy	NXB Trẻ	2000	15	
54	Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Huyền bàn về tôn giáo	Đỗ Quang Hưng	NXB Chính trị Hành Chính	2008	15	Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội Việt Nam
56	Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam	Hoàng Lương	NXB Văn hoá dân tộc	2003	15	
57	Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Trần Ngọc Thêm	2004	15	Phong tục tập quán Việt Nam
58	Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính	NXB Văn học	2005	15	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
59	Nghệ thuật nói trước công chúng	Raymond De Saint Laurent	NXB Văn hóa Thông tin	2000	10	Kỹ thuật đàm phán
60	Thuyết trình hiệu quả	George J.Kops	NXB Trẻ	2006	10	
61	Giáo trình tổng quan du lịch	Trần Thị Mai (chủ biên)	NXB Lao động	2015	15	Tổng quan du lịch
62	Giáo trình Tổng quan du lịch.	Đào Ngọc Cảnh	NXB Đại học Cần Thơ	2011	15	
63	Giáo trình Tổng quan du lịch	Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh	NXB Giáo dục	2015	15	
64	Kinh tế du lịch	Robert Lanquar	NXB Thế giới	2002	20	Kinh tế du lịch
64	Nhập môn khoa học du lịch	Trần Đức Thanh	NXB Đại học Quốc gia	2000	20	
66	English for tourism and restaurant 1	Frank Levin	NXB Tổng hợp	2016	15	Tiếng Anh du lịch 1
67	English for tourism and restaurant 2	Frank Levin	NXB Tổng hợp	2016	15	
68	Specialized English for Tourism	Kiwi Cheng, Owain Mckimm	NXB Tổng hợp	2016	15	Tiếng Anh du lịch 2
69	English course for tourism	Nguyễn Quang	NXB ĐH Sư phạm	2013	10	
70	Địa lý Du lịch	Vũ Tuấn Cảnh, Lê Thông	NXB Tp. Hồ Chí Minh	1999	20	Địa lý du lịch Việt Nam
71	Địa lý du lịch Việt Nam,	Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên)	NXB Giáo dục	2010	20	
72	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh	Nguyễn Văn Đính (Chủ biên)	Nxb Thống kê	1996	10	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp
73	Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	10	
74	Du lịch bền vững	Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	15	Phát triển Du lịch bền vững

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
74	Hỏi và đáp về Luật du lịch năm 2005	Nguyễn Văn Thung	NXB Chính trị Quốc gia	2005	10	
76	Văn hóa du lịch	Trần Diễm Thúy	NXB Văn hoá Thông tin	2010	15	Văn hóa du lịch
77	Văn hóa du lịch	Dương Văn Sáu	NXB Lao động	2017	15	
78	Văn hóa doanh nghiệp	Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	15	Văn hóa doanh nghiệp
79	Văn hóa Kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	15	
80	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty	Nguyễn Mạnh Quân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	10	
81	Luật du lịch	Tổng cục Du lịch	Nxb Chính trị Quốc gia	2017	20	Luật Du lịch
82	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đình Trung Kiên	NXB Đại học Quốc gia	1999	15	
83	Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lữ hành	Trần Nhạn	Nxb Chính trị Quốc gia	2002	15	Quản lý nhà nước về Du lịch
84	Giáo trình tâm lý và nghệ thuật ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đỉnh (Chủ biên)	NXB Thống kê	1995	15	
84	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo (Chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2006	15	Maeketing du lịch
86	Giáo trình marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	15	
87	Marketing du lịch	Trần Ngọc Nam (chủ biên)	NXB Tp. Hồ Chí Minh	2005	15	
88	Nghệ thuật quảng cáo	Amand Dayan	NXB Thế giới	2002	15	Xúc tiến và bán sản phẩm

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
89	Nghệ thuật quảng cáo và tiếp thị	Lê Hoàng Quân	NXB Khoa học Kỹ thuật	1999	15	du lịch
90	Địa lý Du lịch	Vũ Tuấn Cảnh	NXB Tp. Hồ Chí Minh	1999	20	Tuyển và điểm du lịch Việt Nam
91	Địa lý du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	NXB Giáo dục	2010	10	
92	Tuyển điểm du lịch	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục	2006	20	
93	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đình Trung Kiên	NXB Đại học Quốc gia	2006	20	Tổ chức hướng dẫn du lịch
94	Nghiệp vụ Hướng dẫn Du lịch,	Bùi Thanh Thủy	NXB Đại học Quốc gia	2012	10	
94	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch,	Đình Trung Kiên	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	10	Thuyết Minh du lịch
96	Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch	Trần Ngọc Nam và Hoàng Anh	NXB Lao động	2009	20	
97	Giáo trình nghiệp vụ lữ hành	Đình Trung Kiên, Nguyễn Quang Vinh	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	2007	10	Thiết kế và điều hành tour
98	Kinh doanh dịch vụ lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Văn Đính	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	10	
99	Tuyển điểm Du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục	2006	20	Thực hành tuyển, điểm du lịch miền Bắc
						Thực hành tuyển, điểm du lịch miền Trung – Tây Nguyên
						Thực hành tuyển, điểm du lịch miền Nam
100	Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu (cb)	Nxb Đại học	2013		Kinh doanh du lịch trực

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
			Kinh tế quốc dân			tuyên
101	Kinh doanh trực tuyến	Nguyễn Đăng Tuấn Minh	Nxb Trẻ	2014		
102	Du lịch sinh thái: Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Phạm Trung Lương	NXB Giáo dục	2002	15	Du lịch sinh thái
103	Du lịch sinh thái	Lê Huy Bá, Thái Lê Nguyên	NXB Khoa học Kỹ thuật	2006	15	
104	Du lịch cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng	Võ Quế	NXB Khoa học Kỹ thuật	2006	15	Du lịch cộng đồng và homestay
104	Du lịch cộng đồng	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục		20	
106	Các hình thái tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	NXB Văn hoá Thông tin	2001	20	Tôn giáo và tâm linh
107	Tôn giáo thế giới và Việt Nam	Mai Thanh Hải	NXB Công an nhân dân	1998	15	
108	Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam	Bùi Văn Nhượng	NXB Văn hóa Thông tin	2002	15	Du lịch làng nghề
109	Di sản thủ công mỹ nghệ Việt Nam	Bùi Văn Nhượng	NXB Thanh niên	2000	15	
110	Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2013	15	
111	Giáo trình nghiệp vụ khách sạn	Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ du lịch	NXB Thanh niên	2005	15	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản
112	Nghiệp vụ phục vụ khách sạn	Nguyễn Thị Tú	NXB Thống kê	2005	15	
113	Công nghệ chế biến sản phẩm ăn uống	Lê Thanh Xuân	NXB Đại học Thương mại	2008	15	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn uống
114	Quản trị dịch vụ ăn uống và nhà hàng	Vũ An Dân	NXB Thanh niên	2009	15	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
						Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng
114	Nghiệp vụ phục vụ khách sạn	Nguyễn Thị Tú	NXB Thống kê	2010	15	Du lịch Mice và tổ chức sự kiện
116	Giáo trình quản lý lễ hội và sự kiện	Cao Đức Hải	NXB Đại học Quốc gia	2010	15	
117	Tổ chức sự kiện	Lưu Văn Nghiêm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2007	15	
118	Quản trị Tổ chức sự kiện và Lễ hội	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	NXB Lao động Xã hội	2015	15	
119	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn - du lịch	Phạm Xuân Hậu	NXB Đại học Quốc gia	2001	15	Kinh doanh dịch vụ du lịch bổ sung
120	Quản trị kinh doanh khách sạn	Trịnh Xuân Dũng	NXB Đại học Quốc gia	2005	15	
121	Giáo trình nghiệp vụ lữ hành	Đinh Trung Kiên, Nguyễn Quang Vinh	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	2007	15	Thực tập nghiệp vụ du lịch
122	Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lữ hành	Trần Nhật	NXB Chính trị Quốc gia	2000	15	
123	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương	NXB Thống kê	2000	15	Kinh doanh lữ hành
124	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	15	
124	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	NXB Giáo dục	2000	15	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam
125	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải	NXB Giáo dục	2009	15	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
		Yến (Chủ biên)				

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

Danh mục tạp chí, sách chuyên khảo ngành đào tạo Du lịch

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Tạp chí Du lịch	Tổng cục Du lịch	NXB Văn hóa Thông tin	5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa Du lịch - Hệ thống di tích danh thắng Việt Nam - Văn hóa ẩm thực - Tuyển điểm du lịch Việt Nam - Pháp luật về du lịch - Du lịch sinh thái - Marketing du lịch - Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch - Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam - Phát triển du lịch bền vững
2	Tạp chí Kinh tế phát triển	Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Kinh tế quốc dân	5	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế Du lịch - Địa lý du lịch Việt Nam - Văn hóa doanh nghiệp - Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch - Marketing du lịch
3	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	NXB Thời đại	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống ở Việt Nam - Văn hóa Du lịch - Hệ thống di tích danh thắng Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam
4	Tạp chí Văn hóa dân gian	Viện Nghiên cứu văn hóa	NXB Văn hóa – Thông tin	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống ở Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam - Phong tục tập quán Việt Nam
5	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á	NXB Giao thông vận tải	5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa Đông Nam Á - Kiến thức địa phương Thanh Hóa - Các dân tộc Việt Nam - Lịch sử văn minh thế giới
6	Tạp chí Di sản	Cục Di sản –	NXB Văn hóa	5	<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch văn hóa

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
		Bộ Văn hóa Thông tin	thông tin		- Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam - Du lịch làng nghề - Du lịch tôn giáo và tâm linh
7	Tạp chí Dân tộc học	Viện Dân tộc học	NXB Văn hóa dân tộc	5	- Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam
8	Tạp chí Phát triển bền vững vùng	Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam	NXB Giáo dục	5	- Văn hóa ẩm thực Việt Nam - Tuyến, điểm du lịch Việt Nam. - Phát triển du lịch bền vững - Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam
9	Tạp chí Khoa học	Trường Đại học Hồng Đức	NXB Thanh Hóa	5	- Kiến thức địa phương Thanh Hóa -

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong 20 năm qua, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã chủ trì thực hiện 11 đề tài cấp Nhà nước và đề tài thuộc Quỹ Khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted), 43 đề tài cấp bộ, 56 đề tài/dự án cấp tỉnh và 513 đề tài/dự án cấp cơ sở. Từ kết quả của các đề tài/dự án, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến đã được chuyển giao vào sản xuất và đời sống. Tiêu biểu có thể kể đến giống lúa Hồng Đức 9, kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp tỉnh đã được sản xuất thử nghiệm thành công, được Bộ NN&PTNT công nhận là giống quốc gia và đã được chuyển giao vào phát triển sản xuất thương mại ở các tỉnh phía Bắc.

Cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố hơn 2.500 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có 96 bài được đăng trên các Tạp chí có chỉ số ISI, Scopus. Tạp chí Khoa học của Nhà trường đã được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước đưa vào danh mục tính điểm công trình đối với 4 ngành khoa học thuộc Tạp chí Khoa học của Nhà trường, gồm: Văn học Việt Nam, Trồng trọt, Vật lý và Quản lý giáo dục. Hiện tại, Nhà trường đang tiếp tục nâng cao chất lượng của Tạp chí Khoa học, từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước và chuẩn Quốc tế.

Nhà trường đã tổ chức 740 Hội thảo các cấp, trong đó có 9 Hội thảo khoa học Quốc gia, 11 Hội thảo Quốc tế và nhiều Hội thảo liên tỉnh, liên trường. Các Hội thảo được tổ chức có sự tham gia đông đảo của các nhà quản lý, các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước.

4. Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với hơn 50 trường đại học có uy tín ở 25 quốc gia và vùng lãnh thổ bao gồm: Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, Hoa Kỳ, CHLB Đức, New Zealand, Australia, Trung Quốc, Thái Lan, Hà Lan, Ba Lan, Vương quốc Bỉ...; thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế như Tổ chức Hỗ trợ đại học Thế giới - WUDC (Canada), Project Trust (Vương quốc Anh), chương trình Fulbright tại Việt Nam, phòng Văn hóa - Thông tin Đại sứ quán Hoa Kỳ, tổ chức Giáo dục Quốc tế AEI (Tây Ban Nha)...

Nhà trường đã cử 202 cán bộ, giảng viên, sinh viên đi học thạc sỹ, tiến sỹ tại 40 trường đại học uy tín trên thế giới thông qua đề án "Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài" và hàng trăm lượt cán bộ, giảng viên đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác đã được ký kết.

Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả nhiều dự án hợp tác quốc tế như: Dự án Trung tâm giáo dục Nông nghiệp (AEC) với Canada; dự án phòng chống ma túy trong trường sư phạm với UNDP; dự án hợp tác xây dựng chương trình Việt Nam học với Trường Đại học Cộng đồng Tidewater, Hoa Kỳ; dự án ứng dụng quy trình sản xuất hoa phong lan của Thái Lan tại Thanh Hóa với Trường Đại học Công nghệ Hoàng gia Suvanabhumi, Thái Lan; dự án Hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo ở các trường đại học nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu do Chính phủ Hà Lan tài trợ... Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng được các nhóm nghiên cứu về vật lý, nông nghiệp, sinh học, môi trường... với sự tham gia của các giáo sư đại học Zielona Gora (Ba Lan), Đại học Greifswald (CHLB Đức) và phối hợp với tổ chức thành công nhiều Hội thảo khoa học quốc tế.

Hiện tại, Nhà trường đang triển khai chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Zielona Gora (Ba Lan); thực hiện chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên chuyên ngành Vật lý trong khuôn khổ học bổng Erasmus Plus của cộng đồng chung Châu Âu; hợp tác đào tạo bậc đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế với Trường Đại học Công nghệ Hoàng gia Thanyaburi, Thái Lan theo mô hình 1+3; hằng năm tiếp nhận và đào tạo hàng trăm lưu học sinh cho nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào ở bậc đại học và sau đại học.

5. Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

5.1. Tóm tắt chương trình đào tạo

- Ngành đào tạo đăng ký mở: Du lịch, trình độ đại học.
- Thời gian đào tạo: 4,0 năm (48 tháng).
- Khối lượng kiến thức phải tích lũy: 120 Tín chỉ (không kể GDTC và GDQP). Trong đó: Khối kiến thức Giáo dục đại cương là 32 tín chỉ; Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp của là 88 tín chỉ, trong đó có 29 tín chỉ tự chọn; Khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- Chỉ tiêu (dự kiến) tuyển sinh trong 3 năm đầu: 40 chỉ tiêu/01 năm.

5.2. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Môn học/học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1			14
1	196045	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	133031	Tiếng Anh 1	4
3	173080	Tin học	2
4	125105	Môi trường và con người	2
5	124096	Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam	2
6	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
HỌC KỲ 2			
Học phần bắt buộc:			15
8	196046	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
9	123050	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2
10	133032	Tiếng Anh 2	3
11	124051	Lịch sử Việt Nam	2
12	127099	Tổng quan du lịch	3
Học phần tự chọn: 1 trong 3 học phần			
13	181145	Tâm lý học đại cương	2
	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2
	124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	2
HỌC KỲ 3			15
14	197035	Tư tưởng HCM	2
15	197030	Pháp luật đại cương	2
	124255	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
16	133033	Tiếng Anh 3	3
18	128011	Địa lý du lịch Việt Nam	2
17	121041	Hán Nôm	2
19	125043	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2
HỌC KỲ 4			14
20	198025	Đường lối CM của ĐCSVN	3

21	124050	Các dân tộc Việt Nam	2
22	127047	Tiếng Anh du lịch 1	3
23	127003	Thực hành tuyến, điểm du lịch miền Bắc	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
24	124226	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	2
	128015	Phong tục tập quán Việt Nam	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
25	127072	Văn hóa du lịch	2
	127073	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	2
HỌC KỲ 5			17
Học phần bắt buộc:			
26	127048	Tiếng Anh du lịch 2	3
27	127024	Tâm lí du khách và nghệ thuật giao tiếp	3
28	151001	Kinh tế du lịch	2
29	127009	Phát triển du lịch bền vững	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
30	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2
	127021	Văn hóa Đông Nam Á	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
31	127046	Văn hóa và nghệ thuật âm thực Việt Nam	2
	127018	Kỹ thuật đàm phán	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
32	125035	Du lịch sinh thái	3
	127013	Du lịch cộng đồng & Homestay	3
HỌC KỲ 6			15
Học phần bắt buộc			
33	127052	Tổ chức hướng dẫn du lịch	4
34	127016	Thiết kế và điều hành tour	4
35	127004	Thực hành tuyến, điểm du lịch miền Trung - Tây Nguyên	2
36	127005	Thực hành tuyến, điểm du lịch miền Nam	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
37	127008	Du lịch tôn giáo và tâm linh	3
	127007	Du lịch làng nghề	3
HỌC KỲ 7			16
Học phần bắt buộc			
38	127001	Thuyết minh du lịch	4
39	127017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
40	127011	Pháp luật về du lịch	2
	127025	Quản lý nhà nước về du lịch	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			

41	125100	Marketing du lịch	2
	127012	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	2
Học phần tự chọn: 2 trong 3 học phần			
42-	127015	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	3
	127051	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	3
43	127026	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	3
HỌC KỲ 8			14
44	123190	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	5
45	127014	Kinh doanh lẻ hành	3
46	127015	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	3
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
47	127027	Tổ chức sự kiện và du lịch MICE	3
	127023	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3
TỔNG 8 HỌC KỲ			120

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Các thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của Trường Đại học Hồng Đức liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học; Đề án đăng ký nhận nhiệm vụ được công bố tại địa chỉ <http://www.hdu.edu.vn>.

2. Đối chiếu với Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã có đủ điều kiện để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học ngành **Du lịch**.

3. Trường Đại học Hồng Đức cam kết hàng năm tiếp tục đầu tư, mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo ngành **Du lịch** trình độ đại học.

Tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo đúng quy chế hiện hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An